**DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**LUẬT DỮ LIỆU**

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động về dữ liệu tại Việt Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dữ liệu* là sự thể hiện dưới dạng kỹ thuật số của các hành vi, sự kiện, thông tin, bao gồm dạng âm thanh, hình ảnh, chữ số, chữ viết, ký hiệu hoặc dạng tương tự khác.

2. *Xử lý dữ liệu* là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu, như: thu thập, ghi, phân tích, tổng hợp, xác nhận, xác thực, lưu trữ, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu hoặc các hoạt động khác có liên quan.

3. *Quản trị dữ liệu* là hoạt động tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược dữ liệu; biện pháp quản lý, xử lý dữ liệu, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu.

4. *Dịch vụ trung gian dữ liệu* là dịch vụ thực hiện hoạt động truyền đưa dữ liệu giữa chủ thể quản lý dữ liệu và cơ quan, tổ chức, cá nhân được sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

5. *Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu* là sản phẩm, dịch vụ liên quan đến hoạt động xử lý dữ liệu nhằm mục đích thương mại.

6. *Chiến lược dữ liệu* là một kế hoạch dài hạn xác định công nghệ, quy trình, con người và quy tắc cần có để quản lý tài sản thông tin.

7. *Dữ liệu phi cá nhân* là dữ liệu không gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể.

8. *Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia* là cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ nhiều nguồn cơ sở dữ liệu khác nhau của các ban, bộ, ngành chia sẻ dùng chung và dữ liệu khác.

9. *Sàn giao dịch dữ liệu* là sàn giao dịch trực tuyến qua mạng tạo môi trường mua bán, trao đổi dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu như tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu.

10. *Cơ sở dữ liệu* là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông tin.

11. *Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu* là hạ tầng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Chính phủ để phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia với các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**Điều 4. Nguyên tắc chung trong xử lý dữ liệu**

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng trong tiếp cận, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu.

4. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin, dữ liệu tài liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời; quản lý tập trung, thống nhất, chặt chẽ, duy trì, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng hiệu quả, lưu trữ lâu dài.

5. Khai thác, điều phối dữ liệu đảm bảo hiệu quả, đơn giản thuận tiện cho cơ quan nhà nước, cá nhân và tổ chức trong thực hiện dịch vụ công, thủ tục hành chính và các giao dịch khác; Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và tổ chức trong tiếp cận và sử dụng dữ liệu, đồng thời duy trì khuyến khích nghiên cứu các giải pháp tạo ra giá trị thông qua dữ liệu

6. Đảm bảo tính kế thừa dữ liệu, hạn chế việc thu thập cập nhật lại các thông tin đã được lưu trữ, đồng bộ, quản lý tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

**Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Lợi dụng việc xử lý dữ liệu xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Cản trở hoặc ngăn chặn trái pháp luật quá trình xử lý dữ liệu hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hệ thống thông tin phục vụ xử lý dữ liệu.

3. Thu thập, cung cấp, sử dụng, tiết lộ, hiển thị, phát tán, kinh doanh trái pháp luật dữ liệu.

4. Giả mạo, làm sai lệch hoặc xóa, hủy, sao chép, di chuyển trái pháp luật một phần hoặc toàn bộ dữ liệu.

5. Gian lận, giả mạo, chiếm đoạt hoặc sử dụng dữ liệu trái pháp luật.

6. Cố tình cung cấp thông tin sai lệch trong quá trình tạo lập, chia sẻ dữ liệu.

7. Mua bán, trao đổi, chia sẻ, cung cấp dữ liệu trái pháp luật.

**Chương II**

**XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, XỬ LÝ, QUẢN TRỊ DỮ LIỆU; ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG XỬ LÝ DỮ LIỆU; QUỸ PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU QUỐC GIA; HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ DỮ LIỆU**

**Điều 6. Thu thập, số hóa và tạo lập dữ liệu**

1. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội được thu thập, số hóa, tạo lập và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin, dữ liệu theo chức năng nhiệm vụ được giao.
2. Trung tâm dữ liệu quốc gia được thu thập, số hóa, tạo lập dữ liệu và yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, chia sẻ, đồng bộ thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp và chỉ đạo điều hành của Chính phủ và tình trạng khẩn cấp công cộng trừ các thông tin được chiến lược dùng riêng theo quy định của Luật này.
3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được thu thập thông tin, dữ liệu khi được chủ thể dữ liệu đồng ý;
4. Tiêu chuẩn dữ liệu: cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin, hồ sơ liên quan.
5. Dữ liệu được thu thập phù hợp với tính chất của loại dữ liệu gồm dữ liệu tĩnh, dữ liệu động, dữ liệu phân tích, thống kê.

**Điều 7. Bảo đảm chất lượng dữ liệu**

1. Thông tin người dân cung cấp tự nguyện thì phải kiểm tra, bảo đảm chính xác trước khi thu thập, cập nhật, điều chỉnh.

2. Đúng đối tượng.

3. Đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn về loại dữ liệu thu thập

4. Bảo đảm tính toàn vẹn, sẵn sàng khai thác, sử dụng.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn về các loại dữ liệu thu thập trong cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

6. Quy định chuyển tiếp về việc chuẩn hóa chất lượng dữ liệu.

**Điều 8. Phân loại dữ liệu**

1. Dữ liệu dùng chung là dữ liệu được khai thác, sử dụng trong phạm vi cơ quan nhà nước.

2. Dữ liệu dùng riêng là dữ liệu được tiếp cận, khai thác, sử dụng trong phạm vi của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Dữ liệu mở là dữ liệu mà cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đều được khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Dữ liệu tĩnh là dữ liệu ít có sự thay đổi sau khi xử lý;

5. Dữ liệu động là dữ liệu thường xuyên thay đổi, cập nhật theo kết quả của một quy trình, thủ tục, giao dịch cụ thể.

6. Dữ liệu phân tích, thống kê là dữ liệu được xử lý để tăng giá trị sử dụng so với dữ liệu ban đầu.

7. Độ mở của dữ liệu được xác định theo phạm vi tiếp cận, khai thác, sử dụng dữ liệu theo các mức độ: cơ quan, tổ chức cá nhân; dùng chung trong cơ quan nhà nước; ngành, lĩnh vực.

8. Dữ liệu chủ là dữ liệu chứa thông tin cơ bản nhất để mô tả một đối tượng cụ thể, làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu hoặc tập dữ liệu khác nhau.

**Điều 9. Lưu trữ dữ liệu**

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải xác định loại dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu và phân loại, tổ chức lưu trữ dữ liệu theo mô hình sau:

1. Kho dữ liệu mở phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân;
2. Kho dữ liệu dùng chung trong phạm vi cơ quan nhà nước;
3. Kho dữ liệu dùng riêng trong nội bộ, cơ quan, đơn vị.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện lưu trữ, xử lý dữ liệu tập trung, thống nhất hình thành các cơ sở dữ liệu theo mô hình tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu khác của cơ quan Nhà nước được lưu trữ và xử lý dữ liệu trên hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia trừ các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin dùng riêng theo quy định của Luật này.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này thỏa thuận sử dụng trên hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia bằng hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân đó với tổ chức cung cấp dịch vụ khai thác dữ liệu và hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia.

5. Thời hạn lưu trữ dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

**Điều 10. Kết hợp, chỉnh sửa, điều chỉnh và cập nhật dữ liệu**

1. Điều chỉnh và cập nhật dữ liệu là việc thực hiện bổ sung, sửa, xóa một hoặc nhiều bản ghi dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở dữ liệu nào thì có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh, cập nhật dữ liệu thường xuyên, liên tục đảm bảo tính chính xác, giá trị sử dụng của các thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó quản lý.

**Điều 11. Chiến lược dữ liệu**

1. Chính phủ ban hành Chiến lược dữ liệu quốc gia phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ chuyển đổi số quốc gia và hiện đại hóa công tác quản lý xã hội.

2. Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm phù hợp với Chiến lược dữ liệu quốc gia.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chiến lược dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành do mình quản lý, bảo đảm phù hợp với Chiến lược dữ liệu quốc gia.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 12. Quản trị dữ liệu**

1. Yêu cầu về quản trị dữ liệu (bảo đảm đồng bộ, liên tục, kịp thời).

2. Đơn vị được giao quyền quản trị cơ sở dữ liệu của Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phải phối hợp đơn vị chuyên trách về an ninh mạng thuộc Bộ Công an, an toàn thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Trung tâm dữ liệu quốc gia trong thực hiện việc bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu.

3. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải ban hành các chính sách, phân quyền quản lý, điều phối, giám sát, bảo mật dữ liệu áp dụng đối với cơ sở dữ liệu do mình quản lý.

**Điều 13. Chia sẻ dữ liệu**

1.Chia sẻ dữ liệu là hoạt động cung cấp các tài nguyên dữ liệu giống nhau cho nhiều ứng dụng, người dùng hoặc tổ chức.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Trung tâm dữ liệu quốc gia chia sẻ dữ liệu lưu trữ, quản lý tại Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ hoặc phục vụ giải quyết tình trạng khẩn cấp; trừ thông tin, dữ liệu dùng riêng theo quy định của Luật này.

Trường hợp phục vụ mục đích khác, Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện điều phối khi có yêu cầu hoặc được sự đồng ý, ủy quyền của chủ thể thông tin, sở hữu dữ liệu.

4. Việc chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

5.Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chia sẻ dữ liệu dùng riêng do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý để giải quyết tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

**Điều 14. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước**

1. Tổ chức, cá nhân phải thực hiện cung cấp, kê khai các thông tin, dữ liệu cho cơ quan nhà nước khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân được quyền tự nguyện đóng góp dữ liệu thuộc sở hữu hoặc được lưu trữ, thu thập theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước để phục vụ mục đích công cộng, hoạt động nghiên cứu khoa học hoặc tình trạng khẩn cấp công cộng (cung cấp cho Trung tâm dữ liệu quốc gia).
3. Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước.

**Điều 15. Phân tích, tổng hợp dữ liệu**

Phân tích, tổng hợp dữ liệu là hoạt động chuyển đổi dữ liệu thô thành thông tin chuyên sâu hữu ích. Quá trình này bao gồm đa dạng các công cụ, công nghệ và quy trình được áp dụng để tìm kiếm xu hướng và giải quyết vấn đề bằng dữ liệu.

**Điều 16. Xác nhận, xác thực dữ liệu**

1. Xác nhận dữ liệu là hoạt động thừa nhận dữ liệu là đúng sự thật.

2. Xác thực dữ liệu là hoạt động nhằm thiết lập hoặc chứng thực đối tượng dữ liệu là đáng tin cậy.

**Điều 17. Công khai dữ liệu**

1. Công khai dữ liệu là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân công bố, cung cấp thông tin chính thức về một tập dữ liệu nhất định.

2. Các hình thức công khai dữ liệu bao gồm:

a) Niêm yết thông tin;

b) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Thông qua hội thảo, hội nghị trao đổi, đối thoại cung cấp thông tin;

d) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Thời điểm công khai dữ liệu đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các dữ liệu không được phép công khai (dữ liệu cá nhân mà không được chủ thể dữ liệu đồng ý; dữ liệu là bí mật nhà nước; dữ liệu tác động đến quốc phòng, an ninh).

**Điều 18. Truy cập, truy xuất dữ liệu**

1. Truy cập dữ liệu là hoạt động lấy dữ liệu từ một nguồn và hiển thị chúng cho người dùng hoặc ứng dụng.

2. Truy xuất dữ liệu là hoạt động lấy ra các dữ liệu lưu trữ thoả mãn một số tiêu chí nào đó.

**Điều 19. Mã hóa, giải mã dữ liệu**

1. Đối với dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước, khi truyền, nhận, chia sẻ phải được mã hóa bằng mật mã của cơ yếu.

2. Đối với dữ liệu đã được mã hóa, bên nhận thực hiện giải mật về dạng dữ liệu có thể đọc, hiểu được như dữ liệu ban đầu.

3. Ban Cơ yếu Chính phủ là cơ quan mật mã quốc gia có trách nhiệm triển khai các sản phẩm mã hóa, giải mã dữ liệu.

4. Mã hóa dữ liệu là việc chuyển đổi dữ liệu từ định dạng có thể đọc được sang định dạng được mã hóa. Dữ liệu được mã hóa chỉ có thể được đọc hoặc xử lý sau khi được giải mã.

5. Giải mã dữ liệu là quá trình chuyển đổi dữ liệu đã được mã hóa thành dữ liệu có thể đọc được, đúng với dữ liệu gốc.

**Điều 20. Sao chép, truyền đưa, chuyển giao dữ liệu**

1. Sao chép dữ liệu là hoạt động truy xuất dữ liệu và lưu trữ các dữ liệu được truy xuất lên môi trường riêng biệt với bản gốc.

2. Truyền đưa dữ liệu là hoạt động chuyển giao [dữ liệu](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%E1%BB%AF_li%E1%BB%87u) qua một [kênh truyền](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=K%C3%AAnh_truy%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1).

3. Chuyển giao dữ liệu là hoạt động chuyển một số hoặc tất cả các quyền và nghĩa vụ đối với dữ liệu cho người, tổ chức khác thông qua một thỏa thuận bằng văn bản.

**Điều 21. Thu hồi, xóa, hủy dữ liệu**

1. Thu hồi dữ liệu là hoạt động lấy lại dữ liệu đã phát, chia sẻ cho các cá nhân, tổ chức hoặc công khai trên phương tiện truyền thông đại chúng.

2. Xóa dữ liệu là hoạt động loại bỏ dữ liệu khỏi cấu trúc, môi trường đang được lưu trữ.

3. Hủy dữ liệu là hoạt động loại bỏ dữ liệu khỏi cấu trúc, môi trường đang được lưu trữ và đảm bảo dữ liệu đã loại bỏ không có khả năng phục hồi.

**Điều 22.** **Ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu**

1. Nhà nước khuyến khích việc xử lý, quản trị dữ liệu thông qua ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ Internet vạn vật, công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu trong chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

2. Nguyên tắc trong phát triển công nghệ trong xử lý dữ liệu.

3. Nguyên tác trong ứng dụng công nghệ (vào quản lý nhà nước, vào phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ hoạt động của xã hội).

4. Định hướng phát triển, sử dụng các công nghệ tại Việt Nam

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công Nghệ tham mưu, trình Chính phủ ban hành Chiến lược về phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ Internet vạn vật, công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác.

**Điều 23. Quy định về xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu.**

1. Sao lưu.

2. Phương án xử lý sự cố.

3. Bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống.

4. Về bảo đảm an toàn dữ liệu (mã hóa, bảo mật, nguyên tắc bảo vệ theo cấp độ..).

**Điều 24. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia**

1. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia là quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, được hình thành ở Trung ương để huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ việc xây dựng, phát triển dữ liệu quốc gia.

2. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia được hình thành từ các nguồn tài chính sau đây:

a) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước;

b) Từ phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

c) Đóng góp từ doanh thu của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia;

3. Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia được ưu tiên chi các hoạt động sau đây:

a) Hỗ trợ việc đầu tư, xây dựng, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia;

b) Hỗ trợ cho người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia;

c) Hỗ trợ việc nghiên cứu giải pháp gia tăng bảo vệ dữ liệu, chuyển giao công nghệ về dữ liệu, phát triển ứng dụng công nghệ cao liên quan đến dữ liệu;

d) Hỗ trợ khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác xây dựng, phát triển dữ liệu;

đ) Hỗ trợ hợp tác quốc tế về dữ liệu.

4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia:

a) Không vì mục đích lợi nhuận;

b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Hỗ trợ cho các hoạt động xây dựng, phát triển, ứng dụng dữ liệu mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu;

5. Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia.

**Điều 25. Bảo vệ dữ liệu**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về an toàn thông tin mạng, pháp luật về an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan khi xử lý dữ liệu.

2. Dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về cơ yếu.

3. Việc bảo vệ dữ liệu cá nhân tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

**Điều 26. Hợp tác quốc tế về dữ liệu**

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện hợp tác quốc tế về dữ liệu phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; thực hiện điều ước quốc tế liên quan đến dữ liệu mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**Chương III**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP QUỐC GIA**

**Điều 27. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia**

1. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia gồm các trường thông tin được đồng bộ từ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung được quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 9 Luật này và dữ liệu được cung cấp quy định tại Điều 14 Luật này.

Dữ liệu được đồng bộ thông qua các nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đáp ứng tiêu chí: đúng, đủ, sạch, sống.

2. Dữ liệu được đồng bộ, lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia của Trung tâm dữ liệu quốc gia thuộc cơ sở dữ liệu nào thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu đó chịu trách nhiệm quản trị dữ liệu.

Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia được thiết kế thành các kho dữ liệu tổng hợp phục vụ công tác quản lý nhà nước và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

 **Điều 28. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh, quản lý, khai thác và vận hành; tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, kết nối, chia sẻ, phân tích, điều phối thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia**

1. Nguồn thu thập, đồng bộ, điều chỉnh, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia:

a) Kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nghiệp vụ, dịch vụ công của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thông tin, dữ liệu được chia sẻ, đồng bộ từ các Cơ sở dữ liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật này;

c) Thông tin, dữ liệu được số hóa, cung cấp, tích hợp bởi cá nhân, tổ chức.

2. Các thức thu thập, đồng bộ, điều chỉnh, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia:

a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin khác với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

b) Văn bản cung cấp thông tin;

c) Thiết bị, phần mềm theo hướng dẫn của cơ quan quản lý Trung tâm dữ liệu quốc gia;

**Điều 29. Sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia**

1. Phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng, ứng dụng dữ liệu của tổ chức, cá nhân.

**Điều 30. Trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân, tổ chức khác**

1. Cơ quan nhà nước được giao quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có trách nhiệm như sau:

a) Xây dựng, thu thập, cập nhật dữ liệu đảm bảo chính xác các trường thông tin trong cơ sở dữ liệu mình quản lý.

Trường hợp pháp luật chưa quy định về trường thông tin được thu thập, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi mình quản lý thì tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành Văn bản quy phạm pháp luật để quy định cụ thể các trường thông tin đó.

b) Kết nối, chia sẻ, đồng bộ các trường thông tin trong cơ sở dữ liệu thuộc cơ quan, đơn vị mình quản lý lần đầu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cập nhật đồng bộ ngay khi có thay đổi về dữ liệu và số trường thông tin trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp chưa xây dựng cơ sở dữ liệu thì thực hiện triển khai trên hạ tầng do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp và phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia để số hóa, thu thập dữ liệu theo quy định của pháp luật;

c) Đồng bộ cập nhật ngay khi có kết quả giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đảm bảo ổn định, liên tục

2. Đối với cá nhân là người Việt Nam, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam, cá nhân, tổ chức doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam có trách nhiệm như sau:

a) Cung cấp, chia sẻ, đồng bộ, cập nhật dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia vì mục đích chung ngay sau khi có văn bản đề nghị cung cấp thông tin của Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

b) Việc xây dựng, duy trì, hạ tầng, hệ thống của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp phục vụ cung cấp thông tin, dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia do nhà nước đảm bảo.

c) Việc thực hiện thu thập thông tin trong trường hợp bắt buộc (ứng phó với tình trạng khẩn cấp, tác động đến quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng…)

**Điều 31. Mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cổng dịch vụ công quốc và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác**

1. Việc kết nối, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác phải bảo đảm hiệu quả, an toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thông tin có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

**Điều 32. Phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia**

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia không phải nộp lệ phí.

2. Tổ chức không thuộc khoản 1 Điều này và cá nhân khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phải nộp lệ phí theo quy định của Chính phủ.

**Chương IV**

**TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA**

**Điều 33. Xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế, xây dựng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn về trung tâm dữ liệu, bảo đảm hiện đại, phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

2. Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế, xây dựng theo các tiêu chuẩn, định mức, yêu cầu kỹ thuật trong nước và quốc tế để bảo đảm chống bom đạn, khủng bố; tiêu chuẩn, yêu cầu về bảo vệ môi trường, ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, giải pháp thông minh để kiểm soát nguồn năng lượng.

3. Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế, triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, bảo mật ở mức cao nhất, hiện đại nhất để kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn tấn công, đột nhập, hoạt động chống phá tại từng khu vực, hành lang dưới mặt đất cũng như vùng trời.

4. Hệ thống công nghệ thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế xây dựng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn về bảo đảm mức độ sẵn sàng của hệ thống, thiết kế hệ thống với mức dự phòng đặc biệt nhằm sẵn sàng trong trường hợp mở rộng khi cần thiết. Môi trường vận hành hệ thống thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia tách biệt với các môi trường phát triển, kiểm tra và thử nghiệm, bảo đảm an ninh, bảo mật theo ở mức cao nhất, hiện đại nhất nhằm kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn các nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin.

5. Các thành phần công nghệ thông tin chính của Trung tâm dữ liệu quốc gia gồm:

a) Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu;

b) Cơ sở hạ tầng điện toán đám mây;

Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện toán đám mây và triển khai thành các vùng chức năng để phục vụ nhu cầu của bộ ngành, địa phương, bảo đảm việc phát triển các phân hệ tích hợp, đồng bộ, khai thác dữ liệu, yêu cầu cao về bảo mật thông tin;

c) Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

d) Hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý

Trung tâm dữ liệu quốc gia thiết lập hạ tầng tính toán hiệu suất cao và hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý với các mô hình phân tích dự báo phục vụ công tác khai thác các kho dữ liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu quốc gia. Cung cấp điều kiện kỹ thuật hỗ trợ việc nghiên cứu phát triển lĩnh vực toán ứng dụng;

đ) Hệ thống dịch vụ dữ liệu chuyên ngành và hệ thống quản lý khai thác dữ liệu chuyên ngành.

Trung tâm dữ liệu quốc gia tạo lập các kho dữ liệu cùng với hệ thống quản lý khai thác dữ liệu chuyên ngành phục vụ việc khai thác của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đối với dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở.

6. Các thành phần công nghệ thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia được thiết kế thành vùng dùng chung và vùng chuyên dụng.

Vùng dùng chung bao gồm kho dữ liệu mở của Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, kho dữ liệu dùng chung, nền tảng điện toán đám mây, hệ thống thiết bị công nghệ thông tin phục vụ các cơ quan khai thác, sử dụng.

Vùng chuyên dụng bao gồm kho dữ liệu tổng hợp, nền tảng điện toán đám mây dùng riêng cho Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ xử lý dữ liệu, hệ thống thiết bị công nghệ thông tin, được bảo vệ nghiêm ngặt bảo đảm triển khai các dữ liệu bí mật nhà nước chuyên ngành và các dữ liệu được phân tích để đồng bộ ra vùng dùng chung phục vụ khai thác.

**Điều 35. Vị trí, vai trò Trung tâm dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia**

1. Trung tâm dữ liệu quốc gia là trung tâm dữ liệu do Chính phủ xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành đảm bảo thống nhất, ổn định, bền vững.

2. Trung tâm dữ liệu quốc gia tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật nhằm hình thành kho dữ liệu về con người và kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia là nền tảng cốt lõi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ quan có nhu cầu sử dụng để khai thác, vận hành, nâng cao hiệu quả, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

5. Trung tâm dữ liệu quốc gia là cơ quan được giao quản lý Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, do Bộ trưởng Bộ Công an trực tiếp quản lý, bảo đảm việc lưu trữ, quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu của Đảng và Nhà nước, đồng thời quản lý chuyên ngành về dữ liệu, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về dữ liệu.

6. Giúp Bộ trưởng Bộ Công an tham mưu với Đảng, Nhà nước về chủ trương, chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dữ liệu và quy trình đồng bộ, quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp và Trung tâm dữ liệu quốc gia.

7. Tổ chức vận hành, quản trị, lưu trữ, chia sẻ, nghiên cứu, ứng dụng, khai thác, phát triển dữ liệu; cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin, giải pháp kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị khi có nhu cầu; bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống, cơ sở dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

8. Lưu trữ, quản lý, khai thác, phát triển; điều phối dữ liệu với các bộ, ngành; phân tích phục vụ điều hành, xây dựng chính sách; nghiên cứu phát triển dữ liệu; cung cấp kho dữ liệu dùng chung để thực hiện các công tác quản lý nhà nước.

9. Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá việc triển khai thực hiện chiến lược dữ liệu quốc gia.

**Điều 36. Quy định về đăng ký, cấp tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc tự đầu tư hạ tầng theo tiêu chuẩn chung và đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia để quản trị, vận hành, khai thác, sử dụng tập trung (trừ hệ thống phục vụ quốc phòng, an ninh, các hệ thống chuyên ngành đặc thù khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định).

a) Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đã đầu tư hệ thống thông tin: Tiếp tục quản trị vận hành hệ thống, thiết bị đã đầu tư đến hết thời gian sử dụng, khấu hao theo quy định.

Phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia xác định thời điểm, giải pháp thực hiện chuyển đổi, di dời, tích hợp hệ thống về Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm có thể kế thừa, tận dụng tối đa tài sản đã đầu tư và phù hợp với lộ trình xây dựng, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia;

b) Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội chưa đầu tư hệ thống hoặc đang đi thuê hạ tầng thông tin: Được đầu tư hệ thống, thiết bị, giải pháp để tích hợp, đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2. Đăng ký nhu cầu.

3. Cấp tài nguyên hạ tầng

**Điều 37. Nhiệm vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1.Thực hiện xử lý dữ liệu, quản trị Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

2. Thực hiện quản trị, vận hành hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm dữ liệu quốc gia (phần cứng, phần mềm công nghệ thông tin; điện, điều hòa, môi trường; phòng cháy chữa cháy; an ninh vật lý; đường truyền; cung cấp hạ tầng nhà trạm…).

3. Thực hiện giải pháp, phương án bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

4. Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về dữ liệu.

5. Tổng hợp, phân tích, đánh giá việc triển khai được thực hiện chiến lược dữ liệu quốc gia.

**Điều 38. Nâng cấp, bảo trì, sửa chữa hạ tầng, thiết bị đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Tài nguyên hạ tầng do Trung tâm dữ liệu quốc gia đầu tư, trang bị thì do Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện nâng cấp, bảo trì, sửa chữa.

2. Thiết bị công nghệ thông tin do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội đầu tư, trang bị và đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia thì do cơ quan, tổ chức đó chịu trách nhiệm nâng cấp, bảo trì, sửa chữa.

**Điều 39. Bảo đảm nguồn lực hoạt động xây dựng, phát triển của Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Nguồn vốn phục vụ hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia được lấy từ kinh phí nhà nước, Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, đất đai, trụ sở, công trình, công nghệ, bảo đảm ngân sách cho xây dựng và quản lý nhà nước về dữ liệu, quản trị dữ liệu, xây dựng, quản lý và vận hành Trung tâm dữ liệu, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tài trợ, hỗ trợ để xây dựng, quản lý quản lý nhà nước về dữ liệu, quản trị dữ liệu, xây dựng, quản lý và vận hành Trung tâm dữ liệu, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

4. Bảo đảm nguồn nhân lực cho các hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia, có phương án thuê chuyên gia, doanh nghiệp, bảo đảm chất lượng dịch vụ và an ninh, an toàn hệ thống. Quy định về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực và chế độ, chính sách đãi ngộ cho nguồn nhân lực chất lượng cao.

**Điều 40. Bảo vệ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng, ban hành quy chế vận hành, sử dụng hệ thống thông tin; phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng đối với hệ thống thông tin; phương án ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng.

2. Ứng dụng, triển khai phương án, biện pháp, công nghệ bảo vệ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện các nhiệm vụ có liên quan về dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia được tổ chức bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ dữ liệu.

4. Dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia được bảo vệ trong hoạt động cung cấp dịch vụ công trên không gian mạng, cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin với cơ quan, tổ chức, cá nhân, chia sẻ thông tin trong nội bộ và với cơ quan khác hoặc trong hoạt động khác.

**Điều 41. Mối quan hệ giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia với các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương.**

1. Về đồng bộ dữ liệu

Cơ quan nhà nước, cơ quan quản lý các cơ sở dữ liệu có trách nhiệm đồng bộ dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 9 về Trung tâm dữ liệu quốc gia để lưu trữ và khai thác tập trung.

2. Về quản trị dữ liệu

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia quản lý và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin đối với các dữ liệu đã được đồng bộ về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

b) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc quản trị cơ sở dữ liệu trong hệ thống của cơ quan, tổ chức, phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm an ninh, an toàn thông tin hệ thống, bảo mật dữ liệu tại đơn vị trong quá trình đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Về lưu trữ dữ liệu

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia lưu trữ dữ liệu được đồng bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 để xây dựng kho dữ liệu dùng chung cho các cơ quan, tổ chức để tổng hợp, phân tích, đánh giá, kịp thời phục vụ hoạch định đường lối, chính sách, phát triển kinh tế - xã hội;

b) Dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội vẫn được lưu trữ, xử lý tại hệ thống Trung tâm dữ liệu quốc gia theo yêu cầu riêng, phục vụ các mặt công tác quản lý nhà nước của các cơ quan, tổ chức.

4. Khai thác và sử dụng dữ liệu

a) Đối với các cơ quan, đơn vị triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu trên cơ sở hạ tầng điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu quốc gia sử dụng Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu để khai thác dữ liệu;

b) Đối với các cơ quan, đơn vị không triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu trên cơ sở hạ tầng điện toán đám mây của Trung tâm dữ liệu quốc gia thì vẫn sử dụng các nền tảng kết nối chia sẻ đang triển khai;

c) Các bộ, ngành, địa phương khi có nhu cầu về khai thác dữ liệu phải bảo đảm an ninh, an toàn đối với các dữ liệu khai thác và sử dụng, việc khai thác sử dụng phải bảo đảm đúng mục đích và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

5. Về triển khai và vận hành hệ thống

a) Các đơn vị chủ động quản trị, vận hành các thành phần về lớp ứng dụng, quản trị dữ liệu, môi trường hoạt động, phần mềm lớp giữa, hệ điều hành của các hệ thống thông tin sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia;

b) Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ quản trị, vận hành các thành phần về ảo hoá, quản trị máy chủ, thiết bị lưu trữ, hạ tầng mạng và an ninh bảo mật.

6. Hạ tầng kỹ thuật

a) Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội chỗ đặt máy chủ và hạ tầng công nghệ thông tin. Đồng thời cung cấp kênh quản trị an toàn để các đơn vị chủ động triển khai, bảo đảm an toàn thông tin hệ thống ứng dụng và vận hành các dịch vụ liên quan của đơn vị;

b) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội sau khi tiếp nhận hạ tầng sẽ phải tự quản trị các hệ thống ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin triển khai trên hạ tầng được cung cấp (hệ thống lõi của các cơ quan, đơn vị).

7. Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm thống nhất tài nguyên địa chỉ IP và định tuyến theo các định hướng, kế hoạch sử dụng địa chỉ IP của quốc gia.

8. Về an toàn và bảo mật thông tin

a) Đối với vùng dùng chung: Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp các vị trí chỗ đặt và tài nguyên hạ tầng đáp ứng các cấp độ an toàn thông tin khác nhau, tùy theo nhu cầu của các cơ quan, đơn vị. Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm an ninh mạng, an ninh an toàn thông tin của Nền tảng điện toán đám mây dùng chung; triển khai hệ thống giám sát an ninh mạng tập trung cho vùng dùng chung; cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm an toàn thông tin hệ thống ứng dụng, cơ sở dữ liệu;

b) Đối với vùng chuyên dụng: Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp dịch vụ hạ tầng đáp ứng an toàn thông tin cấp độ cao nhất, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về bảo mật để bảo vệ kho dữ liệu tổng hợp;

c) Đối với các hệ thống thông tin kết nối vào Trung tâm dữ liệu quốc gia: Các hệ thống phải được kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin và khắc phục các lỗ hổng bảo mật trước khi thực hiện kết nối chính thức;

d) Đối với công tác giám sát an ninh an toàn thông tin: Trung tâm dữ liệu quốc gia kết nối với các trung tâm giám sát an ninh, an toàn thông tin khác nếu cần thiết.

9. Về bảo đảm dự phòng: Chính phủ quy định việc bảo đảm dự phòng cho các hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

**Điều 42. Người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu**

1. Người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu bao gồm người trực tiếp thực hiện công tác xử lý, quản trị dữ liệu tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và người hỗ trợ hoạt động xử lý, quản trị dữ liệu.

2. Người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu được đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh, an toàn và tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu.

**Điều 43. Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu**

1. Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu thực hiện đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ quan, tổ chức; cung cấp ứng dụng trung gian dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu cung cấp dịch vụ, ứng dụng cho phép cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể sử dụng ngay, đơn giản, thuận tiện, linh hoạt theo yêu cầu; phổ biến trên diện rộng; cơ quan, tổ chức, cá nhân không cần tự đầu tư, quản lý, vận hành, duy trì.

**Chương V**

**SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VỀ DỮ LIỆU**

**Điều 44. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu**

1. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong hoạt động giao dịch điện tử, viễn thông, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, công nghiệp công nghệ số, xác thực điện tử đối với dữ liệu gắn với danh tính điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, viễn thông, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, công nghiệp công nghệ số, xác thực điện tử.
2. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong hoạt động trung gian dữ liệu; phân tích, tổng hợp dữ liệu; xác thực điện tử đối với dữ liệu không gắn với chủ thể danh tính điện tử; sàn giao dịch dữ liệu thực hiện theo quy định của Luật này.
3. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong các hoạt động chuyên ngành khác thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 45. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu**

1. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam theo quy định pháp luật, đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ và được cấp phép cung cấp dịch vụ theo quy định của Luật này.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch dữ liệu là doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ và được cấp phép cung cấp dịch vụ theo quy định của Luật này.

**Điều 46. Điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử**

1. Điều kiện về nhân sự

2. Điều kiện về kỹ thuật, quy trình quản lý cung cấp dịch vụ

3. Điều kiện, phương án bảo đảm an ninh, trật tự

**Điều 47. Sản phẩm, dịch vụ xác thực điện tử đối với thông tin không gắn với chủ thể danh tính điện tử**

1. Nội dung sản phẩm, dịch vụ

2. Phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ

3. Cơ chế phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước

**Điều 48. Sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu**

1. Nội dung sản phẩm, dịch vụ

2. Phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ

3. Cơ chế phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước

**Điều 49. Sàn giao dịch dữ liệu**

1. Nội dung sản phẩm, dịch vụ

2. Phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ

3. Cơ chế phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước

**Điều 50. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu**

1. Cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng cung cấp dịch vụ.

2. Bảo đảm kênh tiếp nhận thông tin và việc sử dụng dịch vụ là liên tục 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, giao dịch điện tử, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu.

4. Tuân thủ phương án, quy trình hoạt động cung cấp dịch vụ đã được Bộ Công an thẩm định.

5. Gửi báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất về hoạt động cho Bộ Công an khi có yêu cầu.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Chương V**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DỮ LIỆU**

**Điều 52. Nội dung quản lý nhà nước về dữ liệu**

1. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược dữ liệu; văn bản quy phạm pháp luật về dữ liệu; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chất lượng dữ liệu.

2. Quản lý các dịch vụ về dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu.

3. Quản lý hoạt động xử lý, quản trị, điều phối dữ liệu.

4. Quản lý hoạt động bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu.

5. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dữ liệu.

6. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, chuyên gia về dữ liệu.

7. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dữ liệu.

8. Hợp tác quốc tế về kết nối, chia sẻ, quản trị, trao đổi dữ liệu, thực thi pháp luật về dữ liệu.

**Điều 53. Trách nhiệm quản lý nhà nước về dữ liệu**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản trị dữ liệu.
2. Bộ Công an là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu.
3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu trong phạm vi mình quản lý.

**Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Công an**

1. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Luật.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan ban hành Chiến lược dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan quản lý hoạt động lưu trữ, bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu; quản lý dịch vụ về dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật này.

4. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành địa phương triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia.

5. Chủ trì phối hợp Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp đề xuất Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến việc triển khai, quản trị vận hành của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

6. Là đầu mối phụ trách đăng ký việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của đơn vị hành chính nhà nước, doanh nghiệp với kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

7. Là đầu mối phụ trách tiếp nhận đăng ký yêu cầu hỗ trợ cung cấp, lắp đặt, tích hợp các thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống cho các đơn vị có nhu cầu.

8. Là đầu mối tổng hợp nhu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin của bộ, ngành, địa phương, thiết kế và lên kế hoạch mở rộng, phát triển (về năng lực tính toán, năng lực lưu trữ, năng lực an ninh, phạm vi và độ lớn) để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng hàng năm.

9. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, đánh giá, kiểm tra, hỗ trợ giám sát và điều phối ứng phó sự cố an ninh mạng, an toàn thông tin trong quá trình xây dựng, triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quan trọng trong Trung tâm dữ liệu quốc gia.

10. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy Trung tâm dữ liệu quốc gia.

11. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về việc phân cấp, phân loại dữ liệu, kiến trúc phần mềm, kiến trúc hệ thống, tổ chức, kết nối, chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

**Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông**

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan ban hành Chiến lược dữ liệu quốc gia.

2. Chủ trì hướng dẫn cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phát triển, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo tiêu chuẩn về dữ liệu.

3. Hướng dẫn cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chuẩn hoá, kết nối, chia sẻ dữ liệu, tính toán tối ưu giữa việc đầu tư hạ tầng mới và sử dụng hạ tầng do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp.

4. Rà soát, đánh giá năng lực mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan để xây dựng phương án nâng cấp, bảo đảm các đơn vị có thể truy cập, quản trị hệ thống đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng.

**Điều 56. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ**

Phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị liên quan đánh giá nhu cầu, thực hiện chuyển dịch hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Cổng Dịch vụ công quốc gia, Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia...) về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

**Điều 57. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng**

Phối hợp với Bộ Công an, các cơ quan, tổ chức bố trí lực lượng, phương tiện thích hợp để phát hiện, ngăn chặn từ xa mọi hành vi xâm phạm Trung tâm dữ liệu quốc gia cả về địa lý và trên không gian mạng.

**Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành công bố các tiêu chuẩn Việt Nam có liên quan về dữ liệu.

2. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan trong nghiên cứu làm chủ và ứng dụng các công nghệ số, dữ liệu số hình thành các sản phẩm, dịch vụ phục vụ phát triển chính phủ số, chính quyền số và phát triển kinh tế - xã hội thông qua các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp quốc gia.

**Điều 59. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền bổ sung các dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu đáp ứng cho hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

**Điều 60. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

Phối hợp với Bộ Công an tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, ban hành văn bản pháp luật quy định mức thu, quản lý phí khai thác và sử dụng thông tin trong Trung tâm dữ liệu quốc gia.

**Điều 61. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ**

Phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị có liên quan hướng dẫn vị trí việc làm, chế độ chính sách đối với nhân sự thực hiện quản trị, vận hành, phát triển hệ thống thông tin của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

**Điều 62. Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, xác thực và bảo mật thông tin dùng mật mã, triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

**Điều 63. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan quản lý hoạt động thu thập, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, sao chép, chia sẻ, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

**Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 64. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan**

1. Sửa đổi, bổ sung Luật Phí và lệ phí (bổ sung quy định về phí khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia).

2. Sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư (bổ sung danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện về sản phẩm, dịch vụ quy định tại Luật này).

3. Sửa đổi, bổ sung Luật Công an nhân dân (bổ sung chức năng, nhiệm vụ về hoạt động quản lý nhà nước về dữ liệu).

**Điều 65. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.